

Số: *438*/KH-UBND

Hải Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2016

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2017

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 của Quốc hội;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Quyết định số 1819/QĐ-Ttg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 714/QĐ-Ttg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử;

Quyết định số 63/QĐ-Ttg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;

Công văn số 2718/BTTTT-THH ngày 10/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và xây dựng Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2017;

Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin tỉnh Hải Dương đến năm 2020 và định hướng đến 2025;

Kế hoạch số 116-KH/TU ngày 31/10/2014 của Tỉnh ủy Hải Dương về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Kế hoạch số 681/KH-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 01/04/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020.

II. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2016

1. Môi trường pháp lý

Triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương, trong năm 2016 tỉnh Hải Dương đã ban hành các văn bản tạo môi trường pháp lý cho ứng dụng và phát triển CNTT như:

Kế hoạch số 396a/KH-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Hải Dương năm 2016;

Kế hoạch số 681/KH-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 01/04/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thực hiện Chuyên mục Hỏi - Đáp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hải Dương.

2. Hạ tầng kỹ thuật

2.1. Hạ tầng mạng truyền dẫn

Mạng truyền dẫn do Viễn thông Hải Dương và Chi nhánh Viettel Hải Dương xây dựng đã đảm bảo quang hoá đến 100% xã, phường, thị trấn;

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước do Cục Bưu điện Trung ương triển khai đã hoàn thành đảm bảo kết nối tới Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố với tổng số 55 điểm kết nối; 100% máy tính được kết nối mạng LAN, kết nối Internet qua cổng chung của các cơ quan.

Mạng diện rộng Tỉnh ủy kết nối các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, các Đảng ủy trực thuộc và 12 huyện, thị, thành ủy.

Công an, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh có đường truyền dẫn cáp quang riêng đến 100% các đơn vị trực thuộc trên địa bàn.

Trong các cơ quan chuyên môn thuộc ngành dọc đã xây dựng được mạng diện rộng của ngành liên kết các mạng LAN các chi nhánh trong tỉnh.

Trong khối đoàn thể, hầu hết các cơ quan đã được đầu tư xây dựng mạng LAN, kết nối Internet.

2.2. Hạ tầng Trung tâm dữ liệu

Hệ thống Trung tâm dữ liệu của tỉnh đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông được thiết kế và đầu tư theo chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông và do Microsoft Việt Nam tư vấn từ năm 2009 với quy mô gồm 27 máy chủ và các thiết bị tin học khác. Năm 2016, UBND tỉnh đã phê duyệt đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh gồm 10 máy chủ hiệu năng cao, các thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng và bảo mật, hệ thống phân phối điện năng, phần mềm phòng chống virus... Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; các trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; hệ thống Hội nghị truyền hình, hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh, hệ thống Công sở điện tử, hệ thống một cửa điện tử, các dịch vụ công trực tuyến, một số hệ thống thông tin và ứng dụng chuyên ngành của các đơn vị đều được cài đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh, được bảo đảm an toàn thông tin và vận hành ổn định.

2.3. Hạ tầng trang thiết bị tin học

Trong các cơ quan Đảng hiện có 60 máy chủ tập trung chủ yếu tại Văn phòng Tỉnh ủy và phân bố đều tại các đơn vị từ 2-3 máy/đơn vị; 788 máy trạm và các thiết bị tin học khác.

Trong các cơ quan hành chính nhà nước hiện có 111 máy chủ các loại, tập trung tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh và phân bố đều tại các cơ quan, trung bình mỗi đơn vị có từ 1 đến 2 máy chủ và khoảng 3000 máy trạm phân bố đều ở các cơ quan; tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức đạt 95%.

Trong các cơ quan chuyên môn thuộc ngành dọc đã đầu tư mua sắm máy tính, trang thiết bị, phần mềm tin học phục vụ chuyên môn nghiệp vụ; duy trì, phát triển các mạng LAN, WAN, các ứng dụng chuyên ngành với hơn 1.000 máy tính các loại và các thiết bị tin học.

Trong các cơ quan đoàn thể đã được đầu tư trang bị máy tính và các thiết bị tin học.

Các trường học, trung tâm dạy nghề đều có máy tính và phần mềm phục vụ cho công tác quản lý và đào tạo.

2.4. Hạ tầng hệ thống hội nghị trực tuyến

Hệ thống hội nghị trực tuyến của Chính phủ với điểm đầu cầu là Văn phòng UBND tỉnh hoạt động tốt, đảm bảo chất lượng hình ảnh, âm thanh tương đối đồng bộ. Hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh được đầu tư triển khai tới 28 điểm cầu tại Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND 12 huyện, thị xã, thành phố. Năm 2016, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định.

3. Hạ tầng về nhân lực CNTT

Trong các cơ quan Đảng có 19 cán bộ CNTT và được biên chế tập trung chủ yếu tại Văn phòng Tỉnh ủy, thực hiện nhiệm vụ triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan Đảng; số còn lại phân bố đều tại mỗi huyện, thị, thành ủy phục vụ duy trì hệ thống mạng và ứng dụng của đơn vị.

Trong các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh có 74 cán bộ CNTT, phân bố tập trung chủ yếu tại Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo. Tại UBND các huyện, thị xã, thành phố, hầu hết bố trí cán bộ văn phòng làm kiêm nhiệm CNTT; một số cơ quan có cán bộ có chuyên môn về CNTT, như: UBND huyện Bình Giang, Ninh Giang, Kim Thành, thành phố Hải Dương, thị xã Chí Linh.

100% cơ quan ngành dọc có cán bộ CNTT phục vụ công tác chuyên ngành. Hầu hết các cơ quan đoàn thể không có cán bộ CNTT.

Năm 2016, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ về đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho 110 cán bộ phụ trách về CNTT tại các đơn vị.

4. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

4.1. Trang/Cổng thông tin điện tử

Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và 52 trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố được tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Năm 2016, Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành nâng cấp công nghệ và giao diện Cổng thông tin điện tử của tỉnh và một số trang thành phần như: Sở Tư Pháp, Ban Quản lý các khu công nghiệp,...

Năm 2016, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng trang thông tin điện tử cho các xã, phường, thị trấn. Đến thời điểm hiện tại đã có trên 200 xã, phường, thị trấn đưa vào vận hành trang thông tin điện tử, phần đầu hết năm 2016, hoàn thành việc xây dựng trang thông tin điện tử cho 265 xã, phường, thị trấn.

4.2. Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc

Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc đã triển khai cho 37 Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Năm 2016, tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai nhân rộng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc đến cấp xã, phường, thị trấn.

4.3. Hệ thống thư điện tử công vụ

Hầu hết các cơ quan đều sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc. 100% các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố được triển khai đưa vào sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh trong trao đổi công việc. Hệ thống thư điện tử công vụ đang được vận hành với gần 3000 tài khoản. Trong

năm 2016, UBND tỉnh đã phê duyệt đầu tư và đang hoàn thành triển khai nâng cấp hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh.

4.4. Các phần mềm chuyên ngành

Trong các cơ quan Đảng: Xây dựng và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý công văn đi, đến, trao đổi thông tin Lotus Note, lưu trữ văn bản, quản lý tài chính kế toán, thi đua khen thưởng, quản lý cán bộ công chức; xây dựng trang thông tin điện tử nội bộ Văn phòng Tỉnh ủy, đưa lên mạng Internet trang thông tin điện tử của Ban Tuyên giáo, Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Trường Chính trị tỉnh phục vụ lãnh đạo điều hành.

Trong các cơ quan hành chính nhà nước: Xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng Cổng thông tin điện tử của tỉnh; các trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, và UBND huyện, thị xã, thành phố; phần mềm thư điện tử công vụ, quản lý công báo, văn bản pháp quy, cán bộ công chức tỉnh; phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; phần mềm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; phần mềm giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa cấp huyện; phần mềm quản lý tài chính, kế toán, công sản, thi đua khen thưởng và các phần mềm quản lý chuyên ngành.

Trong các cơ quan chuyên môn thuộc ngành dọc: đầu tư mua sắm nhiều phần mềm như phần mềm giao dịch trực tiếp, phần mềm tổng hợp thông tin báo cáo, chuyên tiền điện tử, thanh toán quốc tế, phát hành báo chí, phần mềm tính giá cước, quản lý nhân sự, kế toán tài chính,... phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và chuyên môn nghiệp vụ.

5. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

5.1. Hệ thống một cửa điện tử

Có 12/12 huyện đã xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử. Một số huyện đã triển khai liên thông xuống cấp xã, như: Thành phố Hải Dương, Thị xã Chí Linh, huyện Gia Lộc, huyện Ninh Giang. Nhìn chung, các đơn vị đều vận hành tốt hệ thống, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Trong năm 2016, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu trình UBND tỉnh chủ trương đầu tư Dự án: “Ứng dụng CNTT xây dựng và triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các Sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh” để thống nhất mô hình và tổ chức hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các cơ quan, đơn vị, đồng thời tăng cường tính công khai minh bạch, sự giám sát của nhân dân đối với công tác cải cách hành chính...

5.2. Dịch vụ công trực tuyến

100% dịch vụ công được cung cấp thông tin mức độ 1 và 2 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trong đó có 42 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 thuộc các lĩnh vực của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Công thương, Sở Xây dựng. Năm 2016, Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng 01

dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc lĩnh vực Viễn thông về “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Hải Dương”.

6. Kinh phí ứng dụng CNTT năm 2016

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Kinh phí (Tỷ đồng)	Nguồn kinh phí
1	Nâng cấp Công thông tin điện tử, Trung tâm tích hợp dữ liệu, và hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	9	Ngân sách Nhà nước
2	Xây dựng phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức tỉnh Hải Dương	Sở Nội vụ	3	
3	Nâng cấp Báo điện tử Hải Dương	Báo Hải Dương	3	
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Sở Giao thông Vận tải	0,6	
6	Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý đoàn viên thông qua Công thông tin điều hành	Tỉnh đoàn Hải Dương	0,4	
7	Xây dựng hệ thống giám sát tự động thông số môi trường nước thải ở một số khu công nghiệp tại tỉnh Hải Dương bằng công nghệ GSM/GPRS	Sở Tài nguyên và Môi trường	0,6	
8	Đào tạo nâng cao trình độ về CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	0,2	
Tổng			16.8	

7. Đánh giá chung

Tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước đã có biến chuyển đáng kể. Các đơn vị đã tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước như sử dụng văn bản điện tử, thư công vụ, trang thông tin điện tử để trao đổi thông tin và thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

Hạ tầng CNTT đã được đầu tư, nâng cấp. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hoạt động 24/24, đảm bảo tốt cho triển khai các ứng dụng dùng chung của tỉnh; các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai đồng bộ, thống nhất, như: Công thông tin điện tử, Quản lý văn bản và điều hành, Thư điện tử công vụ.

Thông qua việc triển khai đồng bộ, sự vào cuộc quyết liệt của lãnh đạo các cấp, tình hình ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và Thư điện tử đã đạt hiệu quả thiết thực, giảm thiểu trao đổi bằng văn bản giấy giữa các cơ quan đơn vị góp phần thực hiện thành công chương trình cải cách hành chính của tỉnh.

Trong năm 2016, triển khai thực hiện Kế hoạch số 396a/KH-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Hải Dương năm 2016 các cơ quan, đơn vị đã tập trung triển khai các nhiệm vụ, như: Nâng cấp Công thông tin điện tử, Trung tâm tích hợp dữ liệu và hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh; Xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị; Đào tạo, nâng cao trình độ về CNTT... Nhiệm vụ triển khai nhân rộng hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc cho UBND cấp xã đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và sẽ triển khai thực hiện sau khi được bố trí vốn. Các nhiệm vụ: Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương và triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh đã được xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và trình phê duyệt, tuy nhiên chưa được bố trí kinh phí thực hiện. Đánh giá chung, các cơ quan, đơn vị đã cơ bản triển khai các nhiệm vụ theo nội dung Kế hoạch đề ra, đạt trên 80% nội dung Kế hoạch.

8. Những khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT còn một số khó khăn, vướng mắc như:

- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về CNTT chưa đầy đủ, đồng bộ và thường xuyên có sự thay đổi; các văn bản hướng dẫn của cấp trên, đôi lúc còn chưa cụ thể, chưa phù hợp với tình hình thực tế.

- Kinh phí cho đầu tư ứng dụng và phát triển CNTT còn hạn chế.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng chưa được tập trung, vẫn còn dàn trải, thiếu đồng bộ; hệ thống máy chủ còn phân tán, chưa tập trung; việc kết nối, trao đổi thông tin giữa các hệ thống vẫn chưa được thường xuyên, thông suốt và chưa tận dụng được hết khả năng sẵn có; một số đơn vị, đặc biệt là cấp xã thiết bị còn lạc hậu, chưa đồng bộ. Các ứng dụng CNTT chưa được xây dựng tập trung, còn nhỏ lẻ, manh mún, gây khó khăn cho việc liên thông, tích hợp dữ liệu.

- Ứng dụng CNTT giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa và ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và người dân còn hạn chế, số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 còn chưa nhiều. Ngoài ra các hệ thống phần mềm một cửa vẫn đầu tư riêng lẻ tại các đơn vị, chưa có phần mềm quản lý, cung cấp thông tin tập trung trên mạng Internet.

- Một số đơn vị chưa thực sự quan tâm đến ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ, do vậy hiệu quả đầu tư chưa được như mong muốn

- Chưa có cơ chế khuyến khích, đãi ngộ, trọng dụng người có trình độ chuyên môn cao làm việc trong lĩnh vực CNTT.

9. Đề xuất giải pháp khắc phục

- Bố trí kinh phí và có quy định về hạng mục chi phục vụ ứng dụng và phát triển CNTT để xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án CNTT.

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, thực hiện chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ để công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin được thuận lợi, hiệu quả hơn và giảm nguy cơ mất an toàn thông tin cho hệ thống thông tin và CSDL đã đầu tư được hoạt động liên tục, hiệu quả, đảm bảo an toàn thông tin, phục vụ tốt cho công tác.

- Cần phải ban hành các quy chế, quy định về quản lý, vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin đã được triển khai.

- Phải có cơ chế duy trì, bảo dưỡng hạ tầng công nghệ thông tin đã đầu tư, thường xuyên rà soát, đầu tư nâng cấp, nhằm đáp ứng kịp thời cho nhu cầu phát triển ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phải có đội ngũ cán bộ CNTT có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để quản trị hệ thống và kịp thời hỗ trợ người dùng trong quá trình cập nhật, chỉnh sửa, thay đổi theo quy định mới.

- Tăng cường công tác tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về các lợi ích trong việc ứng dụng CNTT.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2017

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn liền với cải cách hành chính, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước công khai hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp hiệu quả hơn.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước.

- 100% các Sở, ngành, UBND các huyện, thị, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, đảm bảo 100% văn bản đi, đến được gửi, nhận trên phần mềm.

- 100% văn bản chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

- 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ [mail.haiduong.gov.vn](mailto:haiduong.gov.vn) trong công việc.

2.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã có trang/cổng thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin và được kết nối với Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- 100% UBND cấp huyện, 70% Sở, ban, ngành, 50% UBND cấp xã xây dựng và thực hiện thành công hệ thống một cửa điện tử.

- 30% dịch vụ công ở UBND cấp huyện và 20% dịch vụ công ở các Sở, ban, ngành và 10% dịch vụ công ở UBND cấp xã đạt ở mức độ 3. Triển khai một số dịch vụ mức độ 4 cho các cơ quan, đơn vị.

2.3. Nhân lực ứng dụng CNTT

Đảm bảo 100% các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện bố trí cán bộ theo dõi, vận hành hệ thống CNTT tại cơ quan, đơn vị.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp mạng nội bộ, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh.

- Nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị CNTT cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, đảm bảo trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Duy trì, nâng cấp phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc của tỉnh, mở rộng triển khai hệ thống tới UBND cấp xã, phường, thị trấn.

- Duy trì, phát triển các công/trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

- Triển khai ứng dụng chữ ký số tại các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Xây dựng các hệ thống thông tin quản lý và tác nghiệp chuyên ngành phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Xây dựng và quản lý tập trung hệ thống một cửa điện tử cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Cổng dịch vụ hành chính công tỉnh Hải Dương tại địa chỉ duy nhất, trong đó tích hợp toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các ngành, địa phương.

4. Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức CNTT

- Tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT trong xử lý công việc cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị.

5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

- Tổ chức diễn tập về ứng cứu sự cố máy tính và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Triển khai đầu tư đồng bộ hệ thống phần cứng (hệ thống tường lửa, sao lưu, phục hồi dữ liệu...), hệ thống phần mềm (tường lửa mềm, hệ thống phần mềm phát hiện truy cập trái phép, phần mềm diệt vi rút...) nhằm đảm bảo an toàn thông tin.

- Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin bằng các giải pháp mã hóa thông tin, giải pháp chống virus và chống thư rác cho hệ thống thư điện tử công vụ.

IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Giải pháp về môi trường chính sách

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về lĩnh vực CNTT; ban hành các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ CNTT.

- Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

2. Giải pháp tài chính

Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ trọng điểm; ngoài ra, cần tăng cường tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và nguồn vốn khác; tập trung đầu tư có trọng điểm, tránh tràn lan.

3. Giải pháp triển khai

- Triển khai thí điểm mô hình ứng dụng và phát triển CNTT cho từng cấp sau đó đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai nhân rộng.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về hiệu quả và lợi ích khi ứng dụng CNTT.

- Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Triển khai hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải được thẩm định và nghiệm thu phù hợp theo Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tổ chức đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị với kết quả ứng dụng CNTT và cải cách hành chính của đơn vị mình.

4. Giải pháp tổ chức

- Tăng cường các hoạt động của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong triển khai ứng dụng CNTT.

- Tăng cường biên chế công chức có chuyên môn về CNTT đối các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố nhằm đảm bảo các hoạt động ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí được xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách.

(Phụ lục Danh mục các dự án, nhiệm vụ chủ yếu kèm theo).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2017 của cơ quan, đơn vị mình, tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực Kế hoạch; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng CNTT; kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai ứng dụng CNTT và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt để đảm bảo thực hiện Kế hoạch. *phw*

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, (80)Nam✓



SHỦ TỊCH
Nguyễn Dương Thái
Nguyễn Dương Thái



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

(Kèm theo Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Hải Dương)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Khái toán kinh phí (Tỷ đồng)	Nguồn kinh phí
1	Ứng dụng CNTT xây dựng và triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các Sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	25	Ngân sách tỉnh
2	Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	1	
3	Triển khai nâng cấp, mở rộng hệ thống quản lý văn bản và điều hành tới UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp xã	10,7	
4	Xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị	Các Sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	15	
5	Triển khai ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	1	
6	Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện	5	
7	Đào tạo nguồn nhân lực về CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	0,5	
8	Xây dựng hệ thống tích hợp kết nối liên thông các hệ thống thông tin và ứng dụng quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hải Dương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	48	
Tổng cộng				106,2	